



Số: 227 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 30 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2013

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1628/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.428.151.628.714	1.083.455.889.893
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	739.501.000.366	153.344.465.161
111	1. Tiền		587.501.000.366	153.344.465.161
112	2. Các khoản tương đương tiền		152.000.000.000	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	218.739.523.132	374.714.830.140
121	1. Đầu tư ngắn hạn		341.824.209.736	546.879.387.725
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(123.084.686.604)	(172.164.557.585)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	456.328.543.592	419.790.513.677
131	1. Phải thu của khách hàng		428.000.000	351.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.615.695.000	9.247.701.828
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		19.027.182.356	-
138	5. Các khoản phải thu khác		552.416.005.808	518.792.022.291
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(201.158.339.572)	(108.600.710.442)
140	IV. Hàng tồn kho	7	108.172.449	80.486.940
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.474.389.175	135.525.593.975
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		542.405.751	323.283.637
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	743.534.894	123.013.861.808
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.435.095.360	93.038.227.041
220	II. Tài sản cố định		10.826.259.715	16.866.536.590
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.246.911.842	6.120.395.954
222	- Nguyên giá		16.332.466.411	16.122.552.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.085.554.569)	(10.002.156.106)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	7.579.347.873	10.746.140.636
228	- Nguyên giá		19.096.841.419	18.710.729.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.517.493.546)	(7.964.588.502)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.000.000.000	66.306.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	66.900.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.800.000.000)	(594.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.608.835.645	9.865.690.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.380.813.977	6.830.839.546
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.764.175.530	2.301.929.567
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.463.846.138	732.921.338
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		717.504.023.705	433.202.777.332
310	I. Nợ ngắn hạn		717.479.023.705	433.061.630.516
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	312.000.000.000	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		64.893.070	73.073.451
313	3. Người mua trả tiền trước		1.299.000.000	1.266.849.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	650.040.320	260.781.100
315	5. Phải trả người lao động		149.378.026	1.152.610.250
316	6. Chi phí phải trả	17	12.244.439.776	19.739.735.489
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	389.441.675.515	158.564.326.971
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	456.804.432	222.908.779
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		519.376.000	455.364.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		520.368.366	1.298.068.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		133.048.200	27.913.110
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	141.146.816
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	116.146.816
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		774.082.700.369	743.291.339.602
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	774.082.700.369	743.291.339.602
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(347.442.463.283)	(378.233.824.050)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.491.586.724.074	1.176.494.116.934

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		4.211.954.590.000	2.790.827.910.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		3.265.750.330.000	1.821.130.210.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		40.695.450.000	109.915.160.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.225.054.880.000	1.711.215.050.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		506.584.120.000	660.957.000.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	170.000.010.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		506.584.120.000	490.956.990.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		332.117.400.000	275.717.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		274.000.000.000	17.600.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		58.117.400.000	258.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		100.663.800.000	33.023.300.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		2.031.700.000	1.993.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		98.632.100.000	31.030.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		6.838.940.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		6.838.940.000	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	55.424.990.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		-	40.256.680.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		-	40.256.680.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	15.111.310.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	15.111.310.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	57.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	57.000.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		15.999.260.000	16.304.280.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		30.000.000.000	216.010.850.000


Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng




Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu	21	365.883.972.595	225.902.054.093
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		21.221.589.791	8.266.049.010
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		273.263.660.814	81.680.256.888
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.617.376.868	3.379.742.116
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.358.663.158	-
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		14.795.834	111.890.266
01.9	Doanh thu khác		67.407.886.130	132.464.115.813
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	101.754.938	17.342.004
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	365.782.217.657	225.884.712.089
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	206.310.591.510	462.060.034.232
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		159.471.626.147	(236.175.322.143)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	128.939.367.324	145.182.169.322
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.532.258.823	(381.357.491.465)
31	8. Thu nhập khác		259.111.986	328.366.257
32	9. Chi phí khác		10.042	431.556.045
40	10. Lợi nhuận khác		259.101.944	(103.189.788)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.791.360.767	(381.460.681.253)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	308	(3.821)


Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởngHoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.791.360.767	(381.460.681.253)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		109.913.693.754	116.172.544.346
02	- Khấu hao tài sản cố định		6.669.642.457	7.472.250.550
03	- Các khoản dự phòng		62.683.758.149	203.474.699.278
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.493.921.973)	(173.222.750.565)
06	- Chi phí lãi vay		79.054.215.121	78.448.345.083
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		140.705.054.521	(265.288.136.907)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(13.487.955.260)	201.148.453.546
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		207.127.492.480	225.133.636.303
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		231.734.665.714	(129.047.232.759)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.230.903.455	(3.035.791.697)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(87.688.726.542)	(72.730.456.842)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		74.328.016	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.588.389.180)	(566.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		480.107.373.204	(44.385.528.356)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(629.365.582)	(1.272.783.122)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.136.364	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	135.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44.697.599.139	166.496.985.218
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.070.369.921	300.224.202.096
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.284.000.000.000	486.116.024.580
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.222.000.000.000)	(803.616.024.580)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.207.920)	(34.783.305.201)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		61.978.792.080	(352.283.305.201)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		586.156.535.205	(96.444.631.461)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		153.344.465.161	249.789.096.622
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	739.501.000.366	153.344.465.161



Trần Sỹ Tiến
Kế toán trưởng



Hoàng Đình Lợi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013